

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày: 02 – 4 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Minh;
- Ông Ngô Văn Khon.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/HSST-QĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/8/2000; Tên gọi khác: Bát G; Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Số nhà 443, ấp BD, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, không rõ năm sinh; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 09/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện CL xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 23/2020/HSST, chấp hành hình phạt xong ngày 23/8/2023, khi phạm tội bị cáo đã đủ 18 tuổi, chưa xóa án tích.

Nhân thân:

+ Ngày 26/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện CL xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 72/2018/HSST;

+ Ngày 28/7/2020, bị Tòa án nhân dân huyện TB xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tại Bản án số 29/2020/HSST, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, nên được coi là không có án tích.

Tạm giữ: Ngày 07/10/2023; Tạm giam: Ngày 10/10/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TB. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Huỳnh Thị D2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BÐ, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Trọng H2, sinh năm 2001 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BÐ, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lâm Nguyễn Trung H2, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 14, ấp ĐCH, xã VG, H. TB, tỉnh An Giang.

2. Trần Văn C2, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BÐ, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Trần Văn S2, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BÐ, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI D2 VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D2 vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T đã có 01 tiền án về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chưa xóa án tích, để có tiền tiêu xài, T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, cụ thể như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 07/9/2023, T đi bộ trên tuyến đường Quốc lộ 30 đoạn thuộc ấp BÐ, xã BT, huyện TB hướng về thành phố Hồng Ngự tìm tài sản để lấy trộm. Khi T đi ngang nhà trọ Huệ Nghĩa thuộc ấp BÐ, xã BT thấy nhà trọ không khóa cửa ngoài, các phòng trọ bên trong đã đóng cửa nên T đi vào tìm phòng trọ để cạy khóa đột nhập trộm cắp tài sản. T nhìn thấy phòng trọ số 14 của bà Huỳnh Thị D2 đang thuê trọ, đã đi vắng và khóa cửa ngoài bằng loại ổ khóa có thể cạy được. T lấy một cây vít bằng kim loại, loại đầu 04 cạnh hình chữ thập (vít bake) mang theo trong người để cạy khóa. Lần đầu tiên chưa mở ổ khóa được nhưng gây ra tiếng động lớn nên T bỏ đi ra đường nấp, đợi không thấy ai kiểm tra, phát hiện thì trở vào tiếp tục cạy khóa lần hai rồi mở cửa vào trong, T nhìn thấy có 01 vali bằng vải màu vàng – đen – đỏ đang để dưới chân cầu thang cặp vách tường. T lấy vali đi ra khu vực có bàn đá trước cửa nhà trọ, mở ra tìm tài sản phát hiện trong ngăn nhỏ bên trong vali có 01 đôi bông tai nữ bằng vàng 18kara, trọng lượng 8,2 phân, số tiền 650.000 đồng và nhiều giấy tờ cá nhân khác. T lấy đôi bông tai và số tiền 650.000 đồng cất giấu vào túi quần trước bên phải đang mặc trên người, bỏ lại vali và các giấy tờ của bị hại trên bàn đá rồi đi về nhà. Sau đó, T đã tiêu xài hết số tiền 650.000 đồng, còn đôi bông tai bằng vàng T đưa cho người tên Tí Ụ ngụ thành phố CL (không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể) để đổi ma túy đá mang về

sử dụng hết. Đến khoảng 05 giờ ngày 07/9/2023, bà D2 về đến phòng trọ phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an xã BT trình báo vụ việc.

Trong thời gian lực lượng Công an xác minh vụ việc thì khoảng 22 giờ 45 phút ngày 02/10/2023, T đi bộ đến khu vực Cụm công nghiệp xã BT tìm tài sản trộm. Khi đi ngang nhà trọ Hạnh Đào, thấy nhà trọ không đóng cửa rào, các phòng trọ bên trong đã đóng cửa nên T đi vào dãy phòng trọ tìm tài sản trộm. Vào đến dãy phòng trọ bên trái, thấy có 04 chiếc xe mô tô đậu ở hành lang không có người trông coi, T vào lấy trộm xe mô tô Honda loại xe Future II màu sơn đỏ đen, biển số 67F1-353.71 của anh Nguyễn Trọng H2 đang đậu ở hành lang trước cửa phòng trọ số 13 của anh H2, có sử dụng 01 ổ khóa bằng kim loại màu vàng, móc khóa bằng kim loại màu trắng, không rõ nhãn hiệu để khóa bánh xe trước bằng cách móc ổ khóa vào đĩa phanh và cắm bánh xe. Khi lấy trộm xe mô tô của anh H2, T dắt đi nhưng xe không lăn bánh được, T thấy loại ổ khóa này có thể mở được bằng chìa khóa T mang theo, liền đẩy xe ra ngoài hành lang vào chỗ tối, sử dụng chìa khóa mang theo mở ổ khóa và lấy luôn ổ khóa, T dắt xe ra đường, đấu nối điện trực tiếp vào nguồn điện để nổ máy rồi chạy đến khu vực thành phố Hồ Chí Minh tìm nơi tiêu thụ xe nhưng không được, T điều khiển xe trở về nhà tại ấp BD, xã BT, huyện TB. Đến ngày 05/10/2023, T điều khiển xe mô tô nêu trên đến đoạn giữa cầu CL vớt bỏ xuống sông ổ khóa đã trộm cùng với chìa khóa sử dụng để mở khóa và các công cụ, quần áo T mặc trên người khi đi trộm xe ngày 02/10/2023. Đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 06/10/2023, T điều khiển xe mô tô nêu trên đi chơi game về đến nhà thì bị ông Trần Văn C2 (cha vợ của anh Nguyễn Trọng H2) và ông Trần Văn S2 phát hiện nên T bỏ trốn, bỏ lại xe ở trước nhà. Vào khoảng 06 giờ ngày 03/10/2023, anh Nguyễn Trọng H2 thức dậy chuẩn bị đi làm phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an xã BT trình báo. Đến ngày 07/10/2023, T tự nguyện đến Công an huyện TB đầu thú, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tài sản, vật chứng tạm giữ gồm:

- 01 tua vít bằng kim loại, loại vít bake tổng chiều dài 27,5cm, phần cán bằng nhựa, sọc màu trắng – đỏ, dài 7,5cm, phần thân vít bằng kim loại màu trắng, đã bị rỉ S2 ổ màu vàng đen, dài 20cm, đã qua sử dụng.

- 01 vali vải, nhãn hiệu OCEAN, màu vàng – đen – đỏ, đã qua sử dụng.

- 01 móc ổ khóa bằng kim loại hình chữ U, màu trắng, có dòng chữ HARDENED, đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe Future II, biển số 67F1-353.71, màu sơn đỏ - đen, số khung RLHJC35055Y072696, số máy JC35E0072773, đã qua sử dụng.

- 01 USB bằng kim loại màu trắng, nhãn hiệu Kingston DTSE9, D2 lượng 04 GB có lưu trữ 01 tệp dữ liệu video được trích xuất từ camera quan sát hình ảnh T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản theo biên bản về việc trích xuất, thu giữ dữ liệu camera quan sát ngày 15/9/2023, được niêm phong.

- 01 USB bằng kim loại màu trắng, nhãn hiệu Kingston DTSE9, D2 lượng 04 GB có lưu trữ 01 tệp dữ liệu video được trích xuất từ camera quan sát hình ảnh T

thực hiện hành vi trộm cắp tài sản theo biên bản về việc trích xuất, thu giữ dữ liệu camera quan sát ngày 16/10/2023, được niêm phong.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 96/KL-HĐ ngày 09/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 đôi bông tai nữ bằng vàng 18kara, trọng lượng 8,2 phân, đã qua sử dụng, trị giá 2.386.000 đồng; 01 vali vải, nhãn hiệu OCEAN, màu vàng – đen – đỏ, đã qua sử dụng, trị giá 350.000 đồng; 01 móc ổ khóa bằng kim loại hình chữ U, màu trắng, có dòng chữ HARDENED, đã qua sử dụng, trị giá 50.000 đồng. Tổng giá trị là 2.786.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà D2 vali vải và móc ổ khóa, còn đôi bông tai mất trộm không thu hồi được và số tiền 650.000 đồng mất trộm, bà D2 không yêu cầu T bồi thường.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐ ngày 10/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe Future II, biển số 67F1-353.71, màu sơn đỏ - đen, số khung RLHJC35055Y072696, số máy JC35E0072773, đã qua sử dụng, do ông Lâm Nguyễn Trung H2 đứng tên chủ sở hữu đã bán cho ông Trần Văn C2, ông C2 xác định đã tặng cho xe cho con rể ông là anh Nguyễn Trọng H2 nhưng chưa sang tên, anh H2 trực tiếp quản lý, sử dụng xe, trị giá 11.000.000 đồng. Cơ quan điều tra Công an huyện TB đã trao trả cho Nguyễn Trọng H2 xong. Đối với ổ khóa mất trộm không thu hồi được, anh H2 không yêu cầu T bồi thường.

Tại Công văn số 04/CV-HĐĐG ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TB, trả lời: Không đủ sơ sở kết luận định giá đối với 01 ổ khóa không rõ nhãn hiệu, thân ổ khóa bằng kim loại màu vàng, móc khóa bằng kim loại màu trắng, loại sử dụng chìa khóa đẹp, răng cửa một bên, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận giám định số: 1355/KL-KTHS ngày 11/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa về nội D2 hình ảnh đối với 02 tệp tin video trong mẫu cần giám định; Đã trích xuất hình ảnh ra bản ảnh và sao chép 02 tệp tin video trong mẫu cần giám định ra đĩa DVD.

Quá trình điều tra, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như nội D2 nêu trên, phù hợp với kết luận định giá tài sản, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSTB ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TB truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa

đôi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Như cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, đối đáp gì với luận tội của Đ diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D2 vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH2 nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 05/CT-VKSTB ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TB là đúng với hành vi của bị cáo. Vào khoảng 00 giờ ngày 07/9/2023, trên tuyến đường Quốc lộ 30 đoạn thuộc ấp BĐ, xã BT, huyện TB, bị cáo T đột nhập vào phòng trọ số 14, nhà trọ Huệ Nghĩa do bà Huỳnh Thị D2 đang thuê trọ, dùng một cây vít bằng kim loại (vít bake) cạy ổ khóa, lấy trộm 01 vali bằng vải, 01 đôi bông tai nữ bằng vàng 18 kara và số tiền 650.000 đồng. Đến ngày 02/10/2023, tại khu vực Cụm công nghiệp xã BT, huyện TB, bị cáo T đột nhập đến phòng trọ số 13, nhà trọ Hạnh Đào do anh Nguyễn Trọng H2 đang thuê trọ, dùng một chìa khóa mở ổ khóa lấy trộm 01 ổ khóa và 01 xe mô tô hai bánh màu sơn đỏ - đen, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 67F1- 353.71.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 96/KL-HĐ ngày 09/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 đôi bông tai nữ bằng vàng 18kara, trọng lượng 8,2 phân, có giá là 2.386.000 đồng; 01 vali vải, nhãn hiệu OCEAN, màu vàng – đen – đỏ, có giá là 350.000 đồng; 01 móc ổ khóa bằng kim loại hình chữ U, màu trắng, có dòng chữ HARDENED, có giá là 50.000 đồng. Tổng giá trị là 2.786.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐ ngày 10/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe Future II, biển số 67F1-353.71, màu sơn đỏ - đen, số khung RLHJC35055Y072696, số máy JC35E0072773, có giá là 11.000.000 đồng.

Vậy tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại D2 và Trọng H2 là 14.436.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã vi phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T: Khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận bản thân biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, chứng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân bị cáo có 01 tiền án và có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân, tôn trọng pháp luật mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, cần cách ly bị cáo một thời gian nhất định, để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời góp phần phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Ngày 09/6/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện CL xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, khi phạm tội bị cáo đã đủ 18 tuổi, chưa xóa án tích; Ngày 28/7/2020, bị Tòa án nhân dân huyện TB xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, nên được coi là không có án tích. Vì vậy bị cáo có 01 tiền án, tình tiết tăng nặng là tái phạm, được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[10] Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với 01 tua vít bằng kim loại, loại vít bake tổng chiều dài 27,5cm, phần cán bằng nhựa, sọc màu trắng – đỏ, dài 7,5cm, phần thân vít bằng kim loại màu trắng, đã bị rỉ S2 ó màu vàng đen, dài 20cm, đã qua sử dụng. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

(Hiện vật chứng đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/01/2024).

- Đối với 01 vali vải, nhãn hiệu OCEAN, màu vàng – đen – đỏ, đã qua sử dụng và 01 móc ổ khóa bằng kim loại hình chữ U, màu trắng, có dòng chữ HARDENED, đã qua sử dụng, là tài sản của bà Huỳnh Thị D2, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà D2, là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe Future II, biển số 67F1-353.71, màu sơn đỏ - đen, số khung RLHJC35055Y072696, số máy JC35E0072773, đã qua sử dụng, là tài sản của anh Nguyễn Trọng H2, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H2, là phù hợp.

[11] Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi của Tí Ụ đôi ma túy đá cho bị cáo T để lấy 01 đôi bông tai nữ bằng vàng 18kara, trọng lượng 8,2 phân do bị cáo lấy trộm của bà D2. Do không xác định được nhân thân của người tên Tí Ụ nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ xác minh, xử lý đối với Tí Ụ.

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án đối với chứng cứ của vụ án là 01 phong bì niêm phong số 1332 (1), ngày 14/12/2023, có chữ ký ghi họ tên Đặng Huy Phúc, Lê Ngọc Nhân và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và 01 phong bì niêm phong số 1332 (2), ngày 14/12/2023, có chữ ký ghi họ tên Đặng Huy Phúc, Lê Ngọc Nhân và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp.

[12] Xét đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tại phiên tòa, như đã phân tích nêu trên là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội là 01 tua vít bằng kim loại, loại vít bake tổng chiều dài 27,5cm, phần cán bằng nhựa, sọc màu trắng – đỏ, dài 7,5cm, phần thân vít bằng kim loại màu trắng, đã bị rỉ S2 ô màu vàng đen, dài 20cm, đã qua sử dụng.

(Hiện vật chứng đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/01/2024).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Minh – Ngô Văn Khon

Trần Xuân Nữ

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND H. TB;
- CCTHADS H. TB;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ